

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 7 - 2019

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ; sinh 1991; cư trú tại: Xóm B, Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S; địa chỉ: Tò M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Anh T; sinh 1989; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày: Chị và anh Phạm Anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng có một con chung tên là Phạm Nhã L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy

và vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đưa con về sống cùng cha, mẹ đẻ của chị tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2014. Đến năm 2016 anh T đón con về gửi cha mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng. Ngày 20/5/2019 chị lại đưa con về trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Phạm Anh T đều vắng mặt nên không có lời khai. Tại văn bản ghi ngày 07/01/2019 cháu Phạm Nhã L trình bày nguyện vọng được chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương cho thấy: Chị Đ, anh T kết hôn và chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn 4, xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2009 đến năm 2013. Sau khi anh T đi cai nghiện ma túy trở về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Đ bỏ về sống với cha mẹ đẻ tại xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2014 và anh T nuôi con. Do anh T thường hay đi làm xa nhà nên anh T nhờ cha mẹ đẻ của anh nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh T, giao cho chị Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Nhã L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Đ b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Phạm Anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã Hòa Ninh cấp chứng nhận kết hôn số 53 ngày 30 tháng 6 năm 2009. Do bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị Đ và anh T đã ly thân từ năm 2014, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Đ xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nên tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía anh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa, nhưng anh T không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình và đều vắng mặt không có lý do. Việc anh T không có mặt giải quyết vụ án thể hiện anh T cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Hôn

nhân giữa chị Đ và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đ và anh T ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung: Chị Đ và anh T có một con chung là cháu Phạm Nhã L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010. Trong thời gian ly thân anh T nuôi con nhưng không trực tiếp nuôi dưỡng mà nhờ cha mẹ đẻ của anh T nuôi con. Hiện nay chị Đ là người đang trực tiếp nuôi con, về phía cháu Phạm Nhã L có nguyện vọng được chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con phù hợp nguyện vọng của con, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của chị Đ và anh T. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia Đình năm 2014 giao cho chị Đ trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp. Về tài sản do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 235, 273 và Đ b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Anh T.

Giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Nhã L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010. Anh Phạm Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự thực hiện theo qui định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0009286 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (*Đã nộp đủ*).

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Hòa Ninh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Văn Sỹ